

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/DS-ST
Ngày 14 - 01 - 2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn

Ông Tạ Thanh Bự

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 579/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: ấp TH, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc P, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp TT B, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phan Văn K: Vào ngày 30/5/2023, ông cho anh P mượn số tiền 50.000.000đ, thời hạn là khi nào ông cần cho anh P hay trước 01 tháng. Đến tháng 5/2024, ông cần lấy lại tiền và thông báo cho anh P hay, nhưng điện thoại nhiều lần anh P không nghe máy. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P trả tôi số tiền 50.000.000đ.

Đối với anh Trần Quốc P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Văn K khởi kiện yêu cầu anh Trần Quốc P là vụ kiện tranh chấp đòi lại tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K, anh P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện anh P có mượn của ông K số tiền 50.000.000đ. Từ khi mượn đến nay anh P không trả tiền cho ông K, mặc dù hai bên có thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch mượn tiền với nhau bằng hình thức giao, nhận trực tiếp, ông K với anh P có thiết lập biên nhận và anh P có ký tên. Nay ông K yêu cầu anh P trả số tiền 50.000.000đ, nhưng anh P không phản tố, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét về án phí dân sự: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K.

1. Buộc anh Trần Quốc P phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn K số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Phan Văn K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu anh Trần Quốc P chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh P còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Ông Phan Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Anh Trần Quốc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh